



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

Mẫu in: C2040.009

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319./QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Công nghệ thông tin

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Công nghệ thông tin

Mã ngành: 7480201

Chuyên Ngành: Công nghệ thông tin

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202108	Toán cao cấp A1	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
3	202109	Toán cao cấp A2	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
4	202206	Vật lý 2	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
5	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
6	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
7	214202	Nhập môn công nghệ thông tin	3	60	30	30	0	0	0	1	1			
8	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
9	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
10	200202	Quân sự 2 (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	1	2			
11	202110	Toán cao cấp A3	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
12	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2			
13	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
14	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1	200102		
15	202121	Xác suất thống kê	3	45	45	0	0	0	0	2	1	202110		
16	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
17	214389	Toán rời rạc	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
18	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	2	2	200103		
19	200105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	3	1	200107		
Cộng			48	840	630	120	90	0	0					



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

Mẫu in: C2040.009

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319.../QĐ-ĐHNH-ĐT, ngày 03 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Công nghệ thông tin

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Công nghệ thông tin

Mã ngành: 7480201

Chuyên Ngành: Công nghệ thông tin

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	202620	Kỹ năng giao tiếp	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
2	208453	Marketing căn bản	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
Cộng			4	60	60	0	0	0	0					
2. Khối kiến thức cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	214321	Lập trình cơ bản	4	75	45	30	0	0	0	1	1			
2	214231	Cấu trúc máy tính	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
3	214294	Hệ điều hành	4	75	45	30	0	0	0	1	2	214202		
4	214331	Lập trình nâng cao (A)	4	75	45	30	0	0	0	1	2	214321		
5	214362	Giao tiếp người-máy	4	75	45	30	0	0	0	2	1	214331		
6	214441	Cấu trúc dữ liệu	4	75	45	30	0	0	0	2	1	214331		
7	214241	Mạng máy tính cơ bản	3	45	45	0	0	0	0	2	2			
8	214352	Thiết kế hướng đối tượng	4	75	45	30	0	0	0	2	2	214331		
9	214354	Lý thuyết đồ thị	3	60	30	30	0	0	0	2	2	214331		
10	214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	4	75	45	30	0	0	0	2	2			
11	214990	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	2	202121 214441		
12	214252	Lập trình mạng	4	75	45	30	0	0	0	3	1	214331 214241 214442		
13	214390	Lập trình Python	4	75	45	30	0	0	0	3	1	214331		
14	214462	Lập trình Web (A)	4	75	45	30	0	0	0	3	1	214331 214241		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319.../QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Công nghệ thông tin

Khoa đào tạo: Công nghệ thông tin

Mã ngành: 7480201

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Chuyên Ngành: Công nghệ thông tin

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
15	214463	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	4	75	45	30	0	0	0	3	1	214441		
16	214274	Lập trình trên thiết bị di động	3	60	30	30	0	0	0	3	2	214252		
17	214370	Nhập môn công nghệ phần mềm	4	75	45	30	0	0	0	3	2	214352		
18	214461	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (A)	4	75	45	30	0	0	0	3	2	214352 214442		
19	214492	Máy học	4	75	45	30	0	0	0	3	2	214463 214390 202121		
Cộng			69	1275	795	480	0	0	0					

3. Khối kiến thức chuyên ngành

Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC

1	214282	Mạng máy tính nâng cao	4	75	45	30	0	0	0	3	1	214241		
2	214372	Lập trình .NET	4	75	45	30	0	0	0	3	1	214331 214241 214442		
3	214386	Lập trình PHP	4	75	45	30	0	0	0	3	1	214241 214331		
Cộng			12	225	135	90	0	0	0					

Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 6 TC

1	214271	Quản trị mạng	3	60	30	30	0	0	0	3	2	214242 214241		
2	214353	Đồ họa máy tính	3	60	30	30	0	0	0	3	2	214441		
3	214451	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	30	30	0	0	0	3	2	214442		
4	214464	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3	60	30	30	0	0	0	3	2	214462		
5	214465	Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng	3	60	30	30	0	0	0	3	2	214442		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319.../QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Công nghệ thông tin

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Công nghệ thông tin

Mã ngành: 7480201

Chuyên Ngành: Công nghệ thông tin

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
6	214493	Thực tập lập trình Web	3	60	30	30	0	0	0	3	2	214462		
Cộng			18	360	180	180	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0303 - Phải đạt tối thiểu : 8 TC														
1	214273	Lập trình mạng nâng cao	4	75	45	30	0	0	0	4	1	214252		
2	214291	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	4	75	45	30	0	0	0	4	1	214492		
3	214379	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm	4	75	45	30	0	0	0	4	1	214370		
4	214388	Lập trình Front End	4	75	45	30	0	0	0	4	1	214462		
5	214485	Data Mining	4	75	45	30	0	0	0	4	1	214442 214492		
6	214490	Phân tích dữ liệu lớn	4	75	45	30	0	0	0	4	1	214492		
Cộng			24	450	270	180	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0304 - Phải đạt tối thiểu : 6 TC														
1	214292	An ninh mạng	3	60	30	30	0	0	0	4	1	214241		
2	214293	Thực tập lập trình trên thiết bị di động	3	60	30	30	0	0	0	4	1	214274		
3	214383	Quản lý dự án phần mềm	3	60	30	30	0	0	0	4	1	214370		
4	214491	Data Warehouse	3	60	30	30	0	0	0	4	1	214442		
Cộng			12	240	120	120	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0305 - Phải đạt tối thiểu : 3 TC														
1	214290	IoT	3	60	30	30	0	0	0	4	2	214252		
2	214471	Hệ thống thông tin quản lý	3	60	30	30	0	0	0	4	2	214442		
3	214483	Thương mại điện tử	3	60	30	30	0	0	0	4	2	214462 214442		
Cộng			9	180	90	90	0	0	0					



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Công nghệ thông tin

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Công nghệ thông tin

Mã ngành: 7480201

Chuyên Ngành: Công nghệ thông tin

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0306 - Phải đạt tối thiểu : 12 TC														
1	214286	Chuyên đề Java	4	75	45	30	0	0	0	4	2	214352 214441		
2	214374	Chuyên đề WEB	4	75	45	30	0	0	0	4	2	214462		
3	214984	Đồ án chuyên ngành	2	60	0	0	0	60	0	4	2			
4	214987	Khóa luận tốt nghiệp	12	180	0	0	0	0	180	4	2			
5	214988	Tiểu luận tốt nghiệp	6	90	0	0	0	90	0	4	2			
6	214989	Khởi nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	4	2			
7	214991	Thực tập doanh nghiệp	2	60	0	0	0	60	0	4	2	214370		
Cộng			32	570	120	60	0	210	180					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 117

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 41

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 3 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (12 TC)
2. Tiểu luận tốt nghiệp (6 TC) + 6 TC trong nhóm tự chọn 0306
3. Các học phần thay thế tốt nghiệp: Sinh viên phải đạt 12 TC trong nhóm tự chọn 0306

(A) Học phần cốt lõi (Assessed), những học phần có chữ (A) sinh viên phải đạt 5.5 điểm trở lên mới được tính điểm tích lũy. (<5.5 điểm: phải đăng ký học lại)

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

Lưu ý: Ngoài số 158 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ theo quy định của Nhà Trường



Hiệu Trưởng

Trưởng Phòng Đào Tạo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2024

Trưởng Khoa/ Bộ môn

TS. Võ Thái Dân

TS. Nguyễn Văn Dũ